

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – ĐẮK LẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 21/2025/HNGĐ-ST

Ngày 22 – 9 – 2025

V/v yêu cầu ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - ĐẮK LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Mung Niê.

2. Ông Vũ Công Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuỷ - Thư ký Tòa án Toà án nhân dân khu vực 8 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 8 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa:
Ông Đinh Quang Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K (cũ), Toà án nhân dân khu vực 8 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 48/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2025, về việc *Yêu cầu ly hôn*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đào Thị H, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Buôn C, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là Buôn C, xã C, tỉnh Đắk Lắk) – có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Đăng O, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Buôn C, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là Buôn C, xã C, tỉnh Đắk Lắk) – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/5/2025, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đào Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh O kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ng, huyện N, tỉnh Nghệ An, theo giấy chứng nhận kết hôn số 137/1998, ngày 29/6/1998. Thời gian đầu sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc, lo làm ăn phát triển kinh tế. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cãi vã, quan điểm trái ngược nhau, không cùng quan điểm sống, cách nhìn nhận cuộc sống không phù hợp. Khoảng thời gian gần đây, hai vợ chồng lại tiếp tục mâu thuẫn trầm trọng, không tìm được tiếng nói chung, đã tự hoà giải nhiều lần nhưng không được. Đến nay mâu thuẫn đã quá trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống nên để đảm bảo cuộc sống riêng của mỗi người và ổn định sinh sống làm ăn, chị H yêu cầu được ly hôn với anh Lê Đăng O.

Về con chung: Có một con chung là Lê Q, sinh ngày 14/4/1999, con đã đủ 18 tuổi nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Đăng O, quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng như Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các giấy báo tham gia tố tụng, tham gia phiên họp, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng anh Lê Đăng O không có văn bản nêu ý kiến, vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không thể tiến hành hoà giải được. Khi Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử đã cấp, tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, các giấy báo tham gia phiên tòa nhưng anh Lê Đăng O vẫn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mà không có lý do.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán từ khi thụ lý đến trước thời điểm xét xử vụ án đã thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn quá trình giải quyết vụ án đều vắng mặt không tham gia tố tụng, vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mà không có lý do là không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của bị đơn nên việc xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Đào Thị H được ly hôn với anh Lê Đăng O.

Về con chung: Có một con chung là Lê Q, sinh ngày 14/4/1999, con đã đủ 18 tuổi, chị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đào Thị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 – Đăk Lăk) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và quy định về thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực.

Bị đơn anh Lê Đăng O đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không có lý do nên việc xét xử vắng bị đơn là đúng quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1] Về yêu cầu ly hôn: Chị Đào Thị H và anh Lê Đăng O kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ng, huyện N, tỉnh Nghệ An (nay là Ủy ban nhân dân xã Ng, tỉnh Nghệ An), theo giấy chứng nhận kết hôn số 137/1998, ngày 29/6/1998, quan hệ hôn nhân là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Xét lời trình bày của chị H cho rằng quá trình chung sống có mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, hay xảy ra cãi vã, không thể hàn gắn tình cảm, giải quyết các mâu thuẫn phát sinh trong quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng không còn là có căn cứ, theo kết quả xác minh tại nơi cư trú, ghi nhận trong quá trình chung sống giữa chị H và anh O đã xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, ban thôn đã tiến hành hoà giải nhưng không hoà giải được. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các thủ tục tố tụng cho anh O nhưng anh O không có văn bản trình bày ý kiến, vắng mặt tại các buổi làm việc không có lý do nên không ghi nhận được ý kiến, không thể tiến hành hoà giải được. Do đó, có cơ sở xác định trong quá trình chung sống giữa chị H và anh O xảy ra mâu thuẫn là có thật, mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh O là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Có một con chung là Lê Q, sinh ngày 14/4/1999, con đã đủ 18 tuổi, chị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết là phù hợp.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Đào Thị H phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002164 ngày 06/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực K - Đắk Lắk) là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đào Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị H được ly hôn với Lê Đăng O.
2. Về con chung: Có một con chung là Lê Q, sinh ngày 14/4/1999, con đã đủ 18 tuổi, chị Đào Thị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đào Thị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.
4. Về án phí: Chị Đào Thị H phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002164 ngày 06/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực K - Đắk Lắk).
5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 8 - Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Phòng THADS khu vực K - Đắk Lắk;
- UBND xã Ng, tỉnh N;
- Lưu hồ sơ; văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký, đóng dấu)

Hoàng Văn Vân